

ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU- CHI NGÂN SÁCH QUÝ I/2025

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý 1/2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
I	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	-	-		
1	Số thu phí, lệ phí	-	-		
1.1	Lệ phí				
1.2	Phí				
	Thu học phí				
2	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-		
2.1	Chi sự nghiệp.....		-		
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		
b	Kinh phí nhiệm vụ CCTL	-			
c	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
2.2	Chi quản lý hành chính				
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
3	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-		
3.1	Lệ phí				
3.2	Phí				



	Nộp học phí				
II	Dự toán chi ngân sách nhà nước	1.574.684.061	2.524.750.000		
1	Chi quản lý hành chính				
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ				
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng				
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.574.684.061	2.524.750.000		
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	1.354.720.365	2.206.750.000		
3.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	219.963.696	318.000.000		
3.3	Kinh phí nhiệm vụ CCTL	-	-		

Bắc Tân Uyên, ngày 05 tháng 4 năm 2025

 *Nguyễn Chở Cường*

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NGÂN SÁCH, NGUỒN KHÁC QUÝ I/2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ- ... ngày .../.../... của....)
(Dùng cho các tổ chức cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

Đơn vị tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
A	Quyết toán thu nguồn khác (nếu có)					
1	Thu hội phí					
2	Thu từ đóng góp của tổ chức, cá nhân					
3	Thu khác					
	Thu căn tin	-	-	-		
	Thu xe đạp	-	-	-		
	Thu chữ thập đỏ					
B	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.150.497.347	2.054.327.505	1.721.673.299	332.654.206	
I	Chi thường xuyên	2.150.497.347	2.054.327.505	1.721.673.299	332.654.206	
1	Chi quản lý hành chính					
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	2.150.497.347	2.054.327.505	1.721.673.299	332.654.206	
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.816.747.347	1.816.747.347	1.721.673.299	95.074.048	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	333.750.000	237.580.158	-	237.580.158	
III	Chi từ nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân					
	Nhiệm vụ A					
	Nhiệm vụ B					
						

Lập bảng

Hà Thị Thùy

Bắc Tân Uyên ngày 05 tháng 4 năm 2025
Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thế Cường

DÁNH GIÁ THỰC HIỆN DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH QUÝ I NĂM 2025 (3 THÁNG/CẢ NĂM)
(Dùng cho tổ chức cấp trên và đơn vị sử dụng ngân sách nhà nước hỗ trợ)

ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán năm 2025	Ước thực hiện quý I/2025	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	Dự toán thu nguồn khác (nếu có)	-	-		
1	Thu hội phí				
2	Thu từ đóng góp của tổ chức, cá nhân				
3	Thu khác				
	Thu căn tin	-	-		
	Thu xe đạp	-	-		
	Thu chữ thập đỏ				
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	2.150.497.347	2.150.497.347		
I	Chi thường xuyên	2.150.497.347	2.150.497.347		
1	Chi quản lý hành chính				
	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ				
2	Nghiên cứu khoa học				
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ				
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở				
2.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên				
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	2.150.497.347	2.150.497.347		
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	333.750.000	333.750.000		
	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	1.816.747.347	1.816.747.347		
II	Chi Chương trình mục tiêu				
III	Chi từ nguồn đóng góp của tổ chức, cá nhân				
	Nhiệm vụ A				
	Nhiệm vụ B				
	...				

Lập bảng

Hà Thị Thùy



Bắc Tân Uyên, ngày 05 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

TRUNG HỒ
PHÓ THÔNG
TÂN BÌNH

Nguyễn Thế Cường

QUYẾT TOÁN THU - CHI NGUỒN NSNN, NGUỒN KHÁC QUÝ I/2025
(Kèm theo Quyết định số /QĐ- ... ngày .../.../... của....)

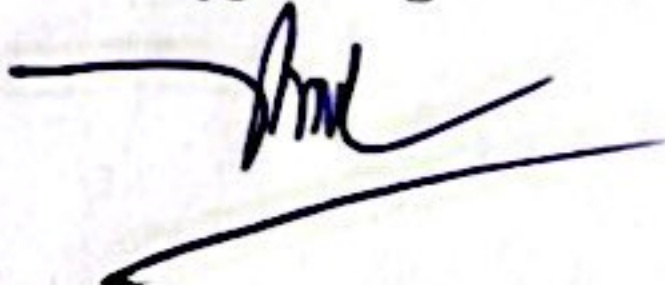
ĐV tính: đồng

Số TT	Nội dung	Số liệu báo cáo quyết toán	Số liệu quyết toán được duyệt	Trong đó		
				Quỹ lương	Mua sắm, sửa chữa	Trích lập các quỹ
I	Quyết toán thu	-	-	-	-	-
A	Tổng số thu	-	-	-	-	-
1	Số thu phí, lệ phí	-	-	-	-	-
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	-	-	-	-	-
	Thu học phí HK II 24-25	200.000.000	-	-	-	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Căn tin, xe đạp)	-	-	-	-	
3	Thu sự nghiệp khác					
B	Chi từ nguồn thu được để lại	-	-	-	-	-
1	Chi từ nguồn thu phí được để lại	-	-	-	-	-
1.1	Chi sự nghiệp.....	-	-		-	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-	-		-	
b	Kinh phí nhiệm vụ CCTL					
c	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
1.2	Chi quản lý hành chính					
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Căn tin, xe đạp)	-				
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
C	Số thu nộp NSNN	-	-	-	-	
1	Số phí, lệ phí nộp NSNN	-	-	-	-	
1.1	Lệ phí					
1.2	Phí	-	-	-	-	
	Nộp học phí	200.000.000	-	-	-	
2	Hoạt động SX, cung ứng dịch vụ (Căn tin, xe đạp)	-	-	-	-	
3	Hoạt động sự nghiệp khác					
II	Quyết toán chi ngân sách nhà nước	2.150.497.347	2.054.327.505	1.721.673.299	332.654.206	-
1	Chi quản lý hành chính					
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ					
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ					
2	Nghiên cứu khoa học					
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ					
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở					
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng					
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					



	Chi phí nhiệm vụ thường xuyên	333.750.000	1.816.747.347	1.721.673.299	95.074.048	
	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	1.816.747.347	237.580.158	-	237.580.158	
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình					
	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.5	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3.6	Chi bảo đảm xã hội					
3.7	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.8	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3.9	Chi hoạt động kinh tế					
3.10	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.11	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3.12	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường					
3.13	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.14	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3.15	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin					
3.16	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.17	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3.18	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tấn					
3.19	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.20	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3.21	Chi sự nghiệp thể dục thể thao					
3.22	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên					
3.23	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên					
3.24	Chi Chương trình mục tiêu					
3.25	Chi Chương trình mục tiêu quốc gia					
3.26	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)					
3.27	Chi Chương trình mục tiêu					
3.28	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu)					
3.3	Kinh phí nhiệm vụ CCTL					

Lập bảng



Hà Thị Thùy



Bắc Tân Uyên, ngày 05 tháng 4 năm 2025

Thủ trưởng đơn vị

Nguyễn Thế Cường